

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HSST

Ngày: 27/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hà

Ông Phạm Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 172/2020/HSST, ngày 23/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS, ngày 12/01/21 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê N**, Giới tính: Nam, Sinh năm: 1984; Nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: khu phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: làm nông; Cha: Lê H, mẹ: Nguyễn L; Anh, chị, em ruột: Có 03 người. Lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1992; Vợ: Trần T; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang tại ngoại ở khu phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Mai K, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Ph, sinh năm 1971; Địa chỉ: khu phố 03, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2/ Võ Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố 09, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người làm chứng:

1/ Võ V, sinh năm 1975; Địa chỉ: khu phố 06, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

2/ Nguyễn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: khu phố 02, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

3/ Nguyễn NT, sinh năm 1991; Địa chỉ: khu phố 02, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

4/ Nguyễn L, sinh năm 1986; Địa chỉ: khu phố 06, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ ngày 04.11.2020 Mai K dắt 02 con bò đực của mình đến khu vực B thuộc khu phố 2 thị trấn L, huyện Tuy Phong để cột dòng cho bò tự ăn cỏ rồi đi làm không ai trông coi. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày Lê N đang trên đường đi làm về nhà nhìn thấy 02 con bò đực của Mai K đang cột dòng không có ai trông coi nên đã lén lút đi đến tháo dây dẫn 02 con bò đi theo đường biển đến khu vực M thuộc khu phố 10 thị trấn L, huyện T để cột rồi đi tìm người bán bò. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày N đến nhà Nguyễn Ph gạ bán 02 con bò trộm cắp được với giá 34.000.000 đồng, Ph không biết bò do N trộm cắp mà có nên đồng ý mua và gọi xe ba càng đến khu vực M chở 02 con bò về rẫy của Ph ở khu phố 5 thị trấn L, huyện T, Ph đưa cho N 34.000.000 đồng thì N đi về. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày Ph gọi điện thoại cho Võ Th đến chòi rẫy của Ph bán lại 02 con bò với giá 44.500.000 đồng, Th đồng ý mua và kêu xe ba càng chở bò về rẫy của Th ở khu vực PD, thuộc thôn 1, xã B, huyện T. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày Mai K đến khu vực B để dắt bò về nhà thì phát hiện bị mất nên đi tìm thì phát hiện 02 con bò của Mai K đang ở chòi rẫy của Th nên trình báo Công an huyện Tuy Phong.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 124/KL-HĐĐG ngày 12.11.2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tuy Phong, kết luận:

+ 01 con bò đực màu nâu đen có chiều dài thân chéo 2,16m, vòng ngực 1,33m: 118,216 kg x 220.000 đồng = 26.007.520 đồng.

+ 01 con bò đực màu nâu đen có chiều dài thân chéo 2,06m, vòng ngực 1,25m: 89,626 kg x 220.000 đồng = 19.717.720 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 45.725.240 đồng

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số: 16/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 23/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê N từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 1.400.000 đồng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo N xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Tuy Phong, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê N thừa nhận bị cáo đã có ý định dắt trộm bò của bị hại từ trước và đã đặt vấn đề bán bò cho ông Nguyễn Ph trước ngày xảy ra hành vi trộm cắp.

Bị cáo Lê N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án: Trộm cắp tài sản, xảy ra vào khoảng 12 giờ ngày 04.11.2020 tại khu phố 02 thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận do Lê N đã lén lút bí mật dắt trộm 02 con bò đực của Mai K trị giá 45.725.240 đồng sau đó bán lại cho Nguyễn Ph với giá 34.000.000 đồng để lấy tiền trả nợ và tiêu xài thì bị phát hiện.

Hành vi đó của bị cáo Lê N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam muốn có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội nêu trên của Lê N đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người mua nhằm tài sản, gia đình của bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, năm 2018 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L tặng giấy khen “Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT”, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về hình phạt: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê N từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Xét thấy trong vụ án này bị cáo ngang nhiên chiếm đoạt tài sản là 02 con bò có giá trị 45.725.240 đồng là rất lớn so với quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng do đó mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khi luận tội là chưa đủ sức răn đe đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo trên cơ sở cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh khó khăn của bị cáo, thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, đồng thời qua đó nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 con bò bị mất của Mai K, sau khi định giá Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong đã trao trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp nên không xem xét xử lý.

Đối với số tiền 1.400.000 đồng Lê N đã tự nguyện giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Lê N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê N **09 (Chín) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002540 ngày 19.11.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

[3] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

Lâm Thị Mỹ Kỳ